

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
571	G6.1155	Xylene tinh khiết	ml	228.000,00	-	Tính chất vật lý: - Dung dịch lỏng, không màu - Công thức phân tử: $\leq 0,740$ đến $\geq 0,76$ ở $15,6^{\circ}\text{C}$ - Điểm sôi và Phạm vi sôi: từ $\leq 137^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 140^{\circ}\text{C}$ - Điểm nóng chảy / Điểm đông băng: $\leq -25^{\circ}\text{C}$ - Điểm chớp cháy: $\leq 24^{\circ}\text{C}$ - Trọng lượng riêng / Mật độ tương đối: từ $\leq 0,865$ đến $\geq 0,875$ - Tốc độ bay hơi: $\geq 0,8$ (BuAc=1) - Độ nhớt: $\leq 0,9$ mm2 / s - Nhiệt độ tự bốc cháy: $\leq 463^{\circ}\text{C}$ - Thành phần gồm có: Xylenes (o-, m-, p- isomers): 80-95%, Ethylbenzene: 5-20%	G7	Thiết bị y tế	329,00	75.012.000,00	
572	G6.1144	Khoanh giấy kháng sinh METRONIDAZOLE	Khoanh	750,00	-	Khoanh giấy được tẩm 5mg Metronidazole. Đạt tiêu chuẩn UKCA, CE hoặc tương đương	G7	Thiết bị y tế	2.440,00	1.830.000,00	
573	G6.1208	Thẻ định danh thủ công nhanh cho nhóm liên cầu Streptococci	Thẻ	60,00	-	Thẻ chứa 14 cơ chất để định danh cho hơn 30 loài vi khuẩn thuộc nhóm liên cầu Streptococci và các vi khuẩn Gram dương tương tự khác.	G7	Thiết bị y tế	210.000,00	12.600.000,00	
574	G6.1209	Thẻ định danh thủ công nhanh cho vi khuẩn kỵ khí	Thẻ	60,00	-	Thẻ gồm 18 cơ chất giúp định danh cho hơn 90 vi khuẩn kỵ khí quan trọng trong y học.	G7	Thiết bị y tế	250.000,00	15.000.000,00	
575	G6.1210	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm có colistin	Cu	80,00	20,00	- Khay kháng sinh đồ Sensititre dành cho vi khuẩn Gram âm với Colistin, Ceftazidime/Avibactam và Ceflozane/Tazobactam - Thành phần kháng sinh (dải nồng độ - µg/ml): Colistin (0.25-8) Piperacillin/tazobactam liều cố định 4 (1/4-32/4), Ceflozane/tazobactam 4 (0.25/4-8/4), Ceftazidime/avibactam (1/4-16/4), Meropenem (0.12-16)	G7	Thiết bị y tế	310.000,00	24.800.000,00	6.200.000
576	G6.1211	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm	KHay	50,00	-	- Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm - Thành phần kháng sinh (dải nồng độ - µg/ml): Imipenem (1-32), Ceftazidime/avibactam (0.5/4-32/4), Colistin (0.25-32), Ceflozane / Tazobactam 4 (0.5/4-32/4), Ciprofloxacin (0.25-8), Aztreonam (1-32), Meropenem (0.12-16), Cefoxitin (2-16), Cefepime (2-32), Piperacillin / Tazobactam constant 4 (2/4-64/4), Ceftazidime (0.5-32), Gentamicin (0.5-8), Ertapenem (0.06-1), Tigecycline (0.25-4), Temocillin (2-16), Trimethoprim / Sulfamethoxazole (1/19-8/152)	G7	Thiết bị y tế	310.000,00	15.300.000,00	
577	G6.1218	Dung dịch khử Canxi	Lít	10,00	-	- Ứng dụng: dùng khử canxi trong xương - Dung dịch dạng lỏng không màu, độ pH<2 - Thành phần gồm có: Axit Nitric $\leq 5\%$ và nước	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.520.000,00	25.200.000,00	

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
578	G6.1156	Khoanh kháng sinh Cefazidime+avibactam	Khoanh	250,00	-	Khoanh giấy Cefazidime/Avibactam có nồng độ 10/4ug hoặc 30/20ug Đạt tiêu chuẩn UKCA, CE hoặc tương đương	G7	Thiết bị y tế	2.430,00	607.500,00	-
579	G6.427	Lamen cỡ 22x22mm	Miếng	104.200,00	31.200,00	- Kích thước: 22 x 22 mm, độ dày: 0.13 - 0.16 mm - Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate màu trắng tinh khiết kháng hóa chất - Có thể sử dụng để quan sát mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	555,00	57.831.000,00	17.316,000
580	G6.743	Lamen cỡ 24x50mm	cái	61.700,00	-	- Kích thước: 24 x 50 mm, độ dày: 0.13 - 0.16mm - Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate màu trắng tinh khiết kháng hóa chất - Có thể sử dụng để quan sát mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.400,00	86.380.000,00	-
581	G6.428	Lamen cỡ 22x40mm	Miếng	34.400,00	-	- Kích thước: 22 x 40 mm, độ dày: 0.13 - 0.16 mm - Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate màu trắng tinh khiết kháng hóa chất - Có thể sử dụng để quan sát mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.050,00	36.120.000,00	-
582	G6.417	Cassette chuyển mô bệnh phẩm	Cái	37.000,00	-	- Chất liệu: POM - Kích thước: 28x40x7 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.000,00	74.000.000,00	-
583	G6.1131	Hộp đựng tiêu bản	hộp	528,00	-	- Hộp đựng ≥ 100 vị trí được đánh số từ 1 - ≥ 100 Nhựa ABS	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	250.000,00	132.000.000,00	-
584	G6.1221	Khuôn đúc mô	Cái	20,00	-	Được làm bằng thép không gỉ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	160.000,00	3.200.000,00	-
585	G6.1326	Bộ nhuộm PAP OG-EASO	Lit	106,00	-	- Bộ nhuộm hòa hợp OG-EASO được đóng trong 1 chai duy nhất có dạng lỏng, có màu cam- tím xanh. Được sử dụng làm thuốc thứ phụ khoa trong tế bào học. - Thuốc nhuộm đa sắc cho các màu phụ khoa trong tế bào học. Cho phép nhuộm nhanh bằng thuốc nhuộm theo phương pháp Papanicolaou tới đa 8 phút. Nhiệt độ môi trường 15-25oC. Điểm chớp nháy 20oC Thành phần gồm: Ethanol 70-90%, Ethylene glycol 10-20%	EU	Thiết bị y tế	2.850.000,00	302.100.000,00	-
586	G6.1327	Lam hòa mô	Cái	38.072,00	-	- Kích thước 25mm x75mm, độ dày 1.0 - 1.2mm - Phiên kính hiển vi đồng kính điển, có bề mặt kỵ nước và luôn đi kèm với lớp phủ ở mặt bên mặt có khả năng chống lại tất cả các hóa chất thông thường và các vết bẩn thông thường được sử dụng trong phòng thí nghiệm - Được ứng dụng trong nhuộm hóa mô, tế bào.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	8.500,00	323.612.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
587	G11.368	Ống chân không Heparin Sodium 4ml	Cái	19.800,00	5.400,00	Ống chân không Heparin Sodium 4ml Size: 13*73mm Tuyệt trùng	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.600,00	51.480.000,00	14.040.000
588	G6.1353	Khay kháng sinh để dành cho vi khuẩn Gram âm	Khay	50,00	10,00	- Khay kháng sinh để dành cho vi khuẩn Gram âm - Thành phần kháng sinh (dài nồng độ - µg/ml): Ceftriaxone (0.5-32), Ciprofloxacin (0.06-2), Cefepime (1-32), Cefoxitin (4-16), Levofloxacin (0.06-8), Ertapenem (0.5-4), Trimethoprim / sulfamethoxazole (1/19-4/76), Colistin (1-8), Imipenem (0.5-16), Ceftazidime (1-32), Meropenem (0.5-16), Ampicillin / sulbactam 2:1 ratio (4/2-16/8), Doripenem (0.5-16), Cefotaxime (1-32), Amikacin (8-32), Amoxicillin / clavulanic acid 2:1 ratio (4/2-16/8), Piperacillin / tazobactam constant 4 (8/4-64/4), Gentamicin (2-8), Netilmicin (8-16), Ampicillin (8-16), Cefuroxime (8-16)	G7	Thiết bị y tế	215.000,00	10.750.000,00	2.150.000
589	G6.1354	Khay kháng sinh để dành cho vi khuẩn Colistin	Test	144,00	36,00	- Khay được thiết kế có thể thực hiện cùng lúc 8 mẫu khay với kháng sinh Colistin. - Thành phần kháng sinh (dài nồng độ - µg/ml): Colistin (0.12-128) x 8 hàng	G7	Thiết bị y tế	320.000,00	46.080.000,00	11.520.000
590	G6.982	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	ml	16.500,00	4.500,00	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) và Methylene Blue - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Có vòi bơm kèm theo	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	772,00	12.738.000,00	3.474.000
591	G6.983	Bộ nhuộm Gram	ml	60.000,00	18.000,00	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcohol-acetone) và Safranin. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Có kèm theo vòi nhỏ giọt	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	550,00	33.000.000,00	9.900.000
592	G6.985	Môi trường MacConkey	Cái	880,00	260,00	Môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Thành phần bao gồm: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1 ± 0.2 ở 25°C, bao gói bằng màng NatureFlex (hay Cellophane).	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	14.910,00	13.120.800,00	3.876.600

STT	Mã nội thần	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
593	G6.986	Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm	Cái	820,00	240,00	Địa thạch dùng sẵn chứa môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Bao gói bằng màng hàn kín Cellophane. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH: 5,6 ± 0,2 ở 25°C	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	14.910,00	12.226.200,00	3.578.400
594	G6.997	Môi trường Nuôi cấy Vibrio	Cái	50,00	-	Địa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy, phân lập thuộc loài Vibrio spp đặc biệt là Vibrio cholerae, Vibrio parahaemolyticus từ các mẫu bệnh phẩm. Thành phần bao gồm: Yeast extract, Bacteriological peptone, Sodium thiosulphate, Sodium citrate, Ox bile, Sucrose, Sodium chloride, Ferric citrate, Bromothymol blue, Thymol Blue, pH: 8.6±0.2 ở 25°C, bao gói bằng màng NatureFlex (tuy Cellophane)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.590,00	829.500,00	-
595	G6.1000	Môi trường phân biệt vi khuẩn gram âm đường ruột dựa vào H2S, lên men đường đôi	Ông	1.000,00	-	Môi trường nuôi cấy chọn lọc được để xuất sử dụng để nuôi cấy nhân biết các nhiễm bệnh vi khuẩn gram âm đường ruột Enterobacteriaceae. Thành phần bao gồm: 'Lab-Lenzo' powder, Yeast extract, Peptone, Sodium chloride, Lactose, Glucose, Ferric citrate, Sodium thiosulphate, Pipenol red, agar, pH 7.4 ± 0.2.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	10.500,00	10.500.000,00	-
596	G6.1003	Môi trường phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa vào sự dung citrate.	Ông	100,00	-	Môi trường sử dụng để phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng sử dụng citrate. Thành phần bao gồm: Magnesium sulphate, Ammonium dihydrogen phosphate, Sodium ammonium phosphate, Sodium citrate, trisbasic, Sodium chloride, Bromothymol blue, agar, pH 7.0 ± 0.2.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.500,00	950.000,00	-
597	G6.353	Bộ kim hút mẫu	Chiếc	5,00	0	Bộ kim hút mẫu Tương thích với máy điện giải hãng MedicaMý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	3.000.000,00	15.000.000,00	-
598	G6.354	Valve mở được dùng để dẫn dung	Chiếc	5,00	0	Valve mở được dùng để dẫn dung dịch Tương thích với máy điện giải hãng MedicaMý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	7.700.000,00	38.500.000,00	-
599	G6.355	Bộ bảo trì máy xét nghiệm điện gi	Bộ	7,00	0	Bộ bảo trì dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng MedicaMý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	4.326.000,00	30.282.000,00	-
600	G6.357	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy	Cái	5,00	0	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng MedicaMý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	6.800.000,00	34.000.000,00	-
601	G6.740	Cối in nhiệt dạng cuộn	Cơ số	5.200,00	1560	Kịch thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	11.700,00	60.840.000,00	18.252.000
602	G6.779	Bộ đường ống máy khí máu	Cái	3,00	0	Bộ đường ống dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng MedicaMý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.300.000,00	3.900.000,00	-
603	G6.780	Bộ xử lý sự cố dùng cho máy khí	Kit	3,00	0	Bộ xử lý sự cố dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng MedicaMý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	4.950.000,00	14.850.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
604	G6.781	Dụng cụ lấy mẫu máy khí máu	Cái	3,00	0	Dụng cụ lấy mẫu dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng Medica/Mý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	3.660.000,00	10.980.000,00	-
605	G6.783	Valve tương thích dùng cho máy	Cái	3,00	0	Valve tương thích dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng Medica/Mý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	19.800.000,00	59.400.000,00	-
606	G6.784	Ống mao dẫn lấy mẫu, 2 hạt từ	Hộp	2,00	0	Ống mao dẫn lấy mẫu: 200 ống capillary 75ul (2 lọ), 500 đầu nắp (túi), 250 thành khuấy, 2 hạt từ dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng Medica/Mý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	2.200.000,00	4.400.000,00	-
607	G6.785	Ống mao dẫn lấy mẫu	Hộp	2,00	0	Ống mao dẫn lấy mẫu: 200 ống capillary 100ul (2 lọ), 500 đầu nắp (túi) dùng cho máy khí máu Easyblood Gas hãng Medica/Mý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	3.800.000,00	7.600.000,00	-
608	G6.786	Giấy in nhiệt máy khí máu	Cuộn	10,00	0	Giấy in nhiệt 5 cuộn/hộp dùng cho máy khí máu Medica/Mý	Không yêu cầu	Không phải TBYT	159.200,00	1.592.000,00	-
609	G6.108	Dây bơm nhu động	Cái	16,00	0	Làm bằng cao su và nhựa, chiều dài tổng 10,7 cm, (+/- 2mm), chiều dài phần cao su 8,8 cm (+/- 2mm), đường kính 5 mm (+/- 1 mm). Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.384.834,00	22.157.344,00	-
610	G6.109	Bóng đèn	Cái	16,00	0	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	4.274.644,00	68.394.304,00	-
611	G6.110	Xy-lanh hút bệnh phẩm	Cái	4,00	0	Được làm từ nhựa, thủy tinh, kim loại, dài 8,9 cm (+/- 0,1cm). Dùng để hút chính xác thể tích mẫu. Đường kính thân kim loại piston: 2,0 mm (+/- 0,2 mm) Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	13.222.440,00	52.889.760,00	-
612	G6.111	Xy-lanh hút hóa chất	Chiếc	4,00	0	Được làm từ nhựa, thủy tinh, kim loại, dài 8,9 cm (+/- 0,1cm). Dùng để hút chính xác thể tích hóa chất. Đường kính thân kim loại piston: 5,0 mm (+/- 0,2 mm) Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	16.785.604,00	67.142.416,00	-
613	G6.112	Kim hút bệnh phẩm	Chiếc	4,00	0	Được dùng để hút và nhả mẫu bệnh phẩm. Cầu tạo từ kim loại, phù hợp chống dính, dài 19,5cm (+/- 0,2 cm) Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	11.481.844,00	45.927.376,00	-
614	G6.113	Kim hút hóa chất	Chiếc	4,00	0	Làm từ kim loại, phù hợp chống dính, dài 19,5cm (+/- 0,2cm). Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	8.232.840,00	32.931.360,00	-
615	G6.114	Màng bơm chân không	Chiếc	4,00	0	Màng cao su, tạo áp lực chân không cho máy, làm bằng chất liệu cao su, đường kính 8,0cm (+/- 0,2 cm) Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	8.937.390,00	35.749.560,00	-
616	G6.553	Đèn halogen	Hộp	25,00	7	Đèn Halogen. Tương thích với máy colbas đang sử dụng tại viện	Không yêu cầu	Không phải TBYT	7.326.000,00	183.150.000,00	51.282.000

STT	Mã mới mẫu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
617	G6.715	Té bảo đo mẫu	Hộp	4,00	0	Bộ phân đo mẫu theo công nghệ đèn hóa phát quang. Tương thích với máy cobus dùng sứ dụng tại bệnh viện Quy cách: 1 bộ / hộp	Không yêu cầu	Không phải TBVT	103.785.000,00	415.140.000,00	-
618	G6.402	Còn tuyệt đối	ml	1.833.000,00	549000	- CTHH: C ₂ H ₅ OH - Hàm lượng etanol (%V): >99,5 - Cân không bay hơi: <0,001	Không yêu cầu	Không phải TBVT	72,00	131.976.000,00	39.528.000
619		Giensma phân sẵn	ml		0	Nhuộm Giensma được sử dụng chủ yếu trong nhuộm màu và phát tể bảo tủy xương. Độ pha loãng khuyến nghị 1:10 hoặc 1:15 trong dung dịch đệm Sorensen phosphate pH 6,5-6,8 Thành phần dung dịch gồm có: Metanol: <50% Glycerol: <25% Ethylene Glycol: <25%	G7	Không phải TBVT	2.563,00	86.116.800,00	-
620	G6.426	Lam kính mài một đầu	Miếng	187.200,00	0	- Chất liệu: thủy tinh, mài mịn, vũng mờ <20nm, - Kích cỡ 25,4-76,2mm, - Hấp được ở nhiệt độ cao	Không yêu cầu	Không phải TBVT	374,00	70.012.800,00	-
621	G6.941	Ông tủy 12 x 75 mm pha huyền dịch vi khuẩn	Ông	12.000,00	2.000	Ông nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy VITEK 2	G7	Không phải TBVT	7.830,00	93.960.000,00	15.660.000
622	G6.942	Đầu cùn 100 - 1000 µl	Cài	4.992,00	1.632	Đầu cùn 100 - 1000 µL	EU	Không phải TBVT	6.800,00	33.945.600,00	11.097.600
623	G6.943	Đầu cùn 0.5 - 250 µl	Cài	3.456,00	960	Đầu cùn 0.5 - 250 µl	EU	Không phải TBVT	6.500,00	22.464.000,00	6.240.000
624	G6.965	Ông lưu giữ chung	Cài	128,00	-	Ông môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Hộp 64 ông, mỗi ông chứa 25 hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dùng dịch bảo quản lạnh ưu tương	G7	Không phải TBVT	99.750,00	12.768.000,00	-
625	G6.1071	Kit tạo khí trường vi hiếu khí	Test	600,00	180	Bộ kit tạo khí trường cho vi khuẩn vi hiếu khí gồm: 20 túi nhựa, 20 túi khí trường vi hiếu khí Quy cách: >20 test/Hộp	G7	Không phải TBVT	112.500,00	67.500.000,00	20.250.000
626	G6.1080	Kit tạo khí trường kỵ khí	Test	200,00	60	Bộ kit tạo khí trường cho vi khuẩn kỵ khí, gồm: 20 túi nhựa, 20 túi tạo khí trường kỵ khí	G7	Không phải TBVT	145.000,00	29.000.000,00	8.700.000
627	G6.1081	Thanh chỉ thị kỵ khí	Thanh	300,00	100	Thanh chỉ thị kỵ khí có 1 đầu màu xanh tím thuốc nhuộm xanh methylen và chất khử	G7	Không phải TBVT	40.932,00	12.279.600,00	4.093.200
628	G6.1112	Que cấy định lượng 1 microlit	Cài	30.000,00	-	- Vòng cấy bằng polystyrene hoặc tương đương. - Dòng gói vô trùng - Kích thước: 10ul	Không yêu cầu	Không phải TBVT	1.050,00	31.500.000,00	-
629	G6.1113	Que cấy định lượng 10 microlit	Cài	30.000,00	-	- Vòng cấy bằng polystyrene hoặc tương đương. - Dòng gói vô trùng - Kích thước: 10ul	Không yêu cầu	Không phải TBVT	1.050,00	31.500.000,00	-
630	G6.29.1	Ông nghiệm nhựa đựng nước tiểu	Cài	122.800,00	36800	Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, hoặc tương tự Dung tích 15ml. Được sử dụng công với máy ly tâm. Chiu được lực ly tâm <6000 vòng/phút.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	1.845,00	226.566.000,00	67.896.000
631	G6.745	Giấy định danh nhóm máu (loại chia 6)	Tờ	13.300,00	3900	- Không thấm nước - Chia 6	Không yêu cầu	Không phải TBVT	3.588,00	47.720.400,00	13.993.200
632	G6.1125	Que vô trùng làm kháng sinh đồ	Cài	10.900,00	3.200	Que vô trùng làm kháng sinh đồ	Không yêu cầu	Không phải TBVT	1.845,00	20.110.500,00	5.904.000

STT	Mã mới thầu	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
633	G6.1127	Bóng đèn cho máy đông máu	Cái	20,00	0	Bóng đèn cho máy đông máu hãng Sysmex Bệnh viện đang sử dụng Tương thích với máy đông máu hãng Sysmex Bệnh viện đang sử dụng tại	Không yêu cầu	Không phải TBYT	6.970.000,00	139.400.000,00	-
634	G6.1178	Bơm áp lực	Cái	4,00	0	Bơm áp lực dùng cho máy huyết học hãng Sysmex đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Không phải TBYT	9.465.000,00	37.860.000,00	-
635	G6.1179	Kim hút bệnh phẩm cho máy XN huyết học	Cái	4,00	0	Kim hút bệnh phẩm cho máy huyết học hãng Sysmex đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Không phải TBYT	17.695.000,00	70.780.000,00	-
636	G6.1180	Tay gấp đông máu	Cái	3,00	0	Tay gấp cho máy đông máu hãng Sysmex đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Không phải TBYT	12.500.000,00	37.500.000,00	-
637	G6.1181	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	4,00	0	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Nfy	Không yêu cầu	Không phải TBYT	2.400.000,00	9.600.000,00	-
638	G6.1182	Que khuấy	Que	9,00	0	Que khuấy dạng xoắn, phủ Teflon, dài 7,6cm (+/- 0,1cm). Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	3.236.310,00	29.126.790,00	-
639	G6.1183	Công phản ứng máy AU	Cái	10,00	0	Công phản ứng, chiều dài bên trong 6mm. Lăn từ thủy tinh. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	1.686.762,00	16.867.620,00	-
640	G6.1166	Van 3 ngã nửa kim hút bệnh phẩm	Hộp	5,00	0	Van rửa kim hút bệnh phẩm. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU của bệnh viện	G7	Không phải TBYT	22.979.880,00	114.899.400,00	-
641	G6.796	Đầu cùn	hộp	5,00	1	Thanh phần: nhựa y tế, chống bám dính hóa chất và máu Quy cách: >960 chiếc/hộp Tương thích với máy Rotem delta Bệnh viện đang sử dụng.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.636.070,00	8.180.350,00	1.636.070
642	G6.944-1	Chủng chuẩn Enterobacter hormaechei ATCC 700323	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Enterobacter hormaechei ATCC 700323 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	528.041,00	5.280.410,00	-
643	G6.945-1	Chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	903.763,00	9.037.630,00	-
644	G6.946-1	Chủng chuẩn Enterococcus casseliflavus ATCC 700327	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Enterococcus casseliflavus ATCC 700327 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.391.186,00	13.911.860,00	-
645	G6.947-1	Chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	903.763,00	9.037.630,00	-
646	G6.948-1	Chủng chuẩn Candida albicans ATCC 14053	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Candida albicans ATCC 14053 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.462.268,00	14.622.680,00	-

STT	Mã mới đầu	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
647	G6.949-1	Chủng chuẩn Eikenella corrodens ATCC BAA-1152	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Eikenella corrodens ATCC BAA-1152 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	954.536,00	9.545.360,00	-
648	G6.950-1	Chủng chuẩn Clostridium septicum ATCC 12464	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Clostridium septicum ATCC 12464 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.452.113,00	14.521.130,00	-
649	G6.951-1	Chủng chuẩn Bacteroides ovatus ATCC BAA-1296	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Bacteroides ovatus ATCC BAA-1296 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.198.247,00	11.982.470,00	-
650	G6.952-1	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Escherichia coli ATCC 25922 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	639.742,00	6.397.420,00	-
651	G6.953-1	Chủng chuẩn Klebsiella pneumoniae subsp. pneumoniae ATCC 700603	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Klebsiella pneumoniae subsp. pneumoniae ATCC 700603 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	873.299,00	8.732.990,00	-
652	G6.954-1	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	517.887,00	5.178.870,00	-
653	G6.955-1	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 35218	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Escherichia coli ATCC 35218 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	517.887,00	5.178.870,00	-
654	G6.956-1	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Enterococcus faecalis ATCC 29212 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	639.742,00	6.397.420,00	-
655	G6.957-1	Chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619	Que	10,00	-	Hộp 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Streptococcus pneumoniae ATCC 49619 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	528.041,00	5.280.410,00	-
656	G6.958-1	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 51299	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Enterococcus faecalis ATCC 51299 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.441.959,00	14.419.590,00	-
657	G6.959-1	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 29213	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 29213 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	639.742,00	6.397.420,00	-
658	G6.960-1	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC BAA-976	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gần chủng vi sinh vật Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC BAA-976 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	842.835,00	8.428.350,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
659	G6.961-1	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC BAA-977	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Staphylococcus aureus subsp aureus ATCC BAA-977 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	832.680,00	8.326.800,00	-
660	G6.962-1	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC BAA-1026	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Staphylococcus aureus ATCC BAA-1026 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	832.680,00	8.326.800,00	-
661	G6.963-1	Chủng chuẩn Candida parapsilosis ATCC 22019	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Candida parapsilosis ATCC 22019 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.391.186,00	13.911.860,00	-
662	G6.964-1	Chủng chuẩn Issatchenkia orientalis ATCC 6258	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Issatchenkia orientalis ATCC 6258 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	517.887,00	5.178.870,00	-
663	G6.1089-1	Chủng chuẩn Bacteroides fragilis ATCC 25285	Que	10,00	-	Gói 5 que cấy đông gói riêng. Mỗi gói chứa 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chung vì sinh vật Bacteroides fragilis ATCC 25285 có khả năng sống và phát triển ổn định	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.198.247,00	11.982.470,00	-
664	G6.1176	Que cấy định lượng làm băng hợp	Cái	14,00	4	Que cấy làm từ hợp kim Niken và Crom cho hiệu suất chịu nhiệt lên đến 1.200oC. Kích thước: 1ul	Không yêu cầu	Không phải TBYT	150.001,00	2.100.014,00	600.004
665	G6.1177	Que cấy định lượng làm băng hợp	Cái	14,00	4	Que cấy làm từ hợp kim Niken và Crom cho hiệu suất chịu nhiệt lên đến 1.200oC. Kích thước: 10ul	Không yêu cầu	Không phải TBYT	150.001,00	2.100.014,00	600.004
666		Hộp đọc kết quả khay kháng sinh đồ	hộp		-	Hộp đọc kết quả khay kháng sinh đồ	Không yêu cầu	Không phải TBYT	25.975.567,00	51.951.134,00	-
667	G6.1198	Ống đựng mẫu đầu vào dung tích 25ml dùng cho máy Alinity	cái	18.000,00	5000	Các dụng mẫu. Số lượng 1000 cái. Tương thích với Máy Alinity tại viện	Không yêu cầu	Không phải TBYT	990,00	17.820.000,00	4.950.000
668	G6.1324	Pipet pasteur 3ml tiết trùng	cái	6.000,00	1.800	Chất liệu: Polyethylene Co vách chia ở 1 và 2ml Kích thước: chiều dài 152.4mm Đóng gói tiết trùng từng cái.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	9.302,00	55.812.000,00	16.743.600
669	G6.1351	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Hộp	8,00	-	Hộp gồm: 1 đường ống bơm và 1 đường ống mẫu. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	Không yêu cầu	Không phải TBYT	1.963.000,00	15.704.000,00	-
670	G6.1356	Dao pha bệnh phẩm chuyên dụng cho giải phẫu bệnh	Cái	2,00	-	- Kích thước: Cán dao dài 260mm làm bằng chất liệu nhựa đặc biệt, đảm bảo độ bền. Quy cách 1 cái/hộp - kích thước: Lưỡi dao dài 130mm, làm bằng thép.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	9.737.500,00	19.475.000,00	-

STT	Mã mới thần	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
671		Bả dụng hóa chất của máy chuyển bệnh phẩm	Cái	3,00	-	- Kích thước: 135x210x199mm (LxWxH) - Đường kính bình: 135mm - Dung tích: 1.8 lít - Chất liệu: HDPE- polyethylene mật độ cao	Không yêu cầu	Không phải TBYT	6.970.000,00	20.910.000,00	-
672	GS.1338										
672	GS.1339	Già bet để tiểu ban	Cái	100,00	-	Chất liệu: nhựa PS, thuận tiện để lau giữ và chuyển cục lam kính, tiểu ban. - Số vị trí: 20	Không yêu cầu	Không phải TBYT	128.125,00	12.812.500,00	-
673	G12.21	Hàm lưỡng cực có răng	Cái	20,00	6,00	Hàm lưỡng cực, hàm có răng, có thể hấp tiết trùng và sử dụng với Parah lương cực cỡ 5mm, dài 33cm của hãng Karl Storz (Đức)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	13.250.000,00	265.000.000,00	79.500.000
674	G12.95	Hàm lưỡng cực không răng	Cái	20,00	6,00	Hàm kẹp lưỡng cực TAKE-APART cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm, hàm bàn rộng 3 mm và có thể hấp tiết trùng dùng với Forceps kẹp lưỡng cực cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm của hãng Karl Storz (Đức)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.650.000,00	253.000.000,00	75.900.000
675	GR.4	Van trocar cỡ 11mm	Cái	5,00	1,00	Van đa chức năng sử dụng được với Trocar cỡ 11mm của hãng Karl Storz có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	13.505.000,00	67.525.000,00	13.505.000
676	G12.24	Van trocar cỡ 6mm	Cái	5,00	1,00	Van đa chức năng sử dụng được với Trocar cỡ 6mm của hãng Karl Storz có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.710.000,00	63.550.000,00	12.710.000
677	G13.149	Van trocar xoắn	Cái	5,00	1,00	Van trocar xoắn, cỡ 6mm, dùng với trocar nhựa cỡ 6mm của hãng Karl Storz (Đức)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.950.000,00	9.750.000,00	1.950.000
678	G12.84	Nắp giảm khẩu kính	Cái	8,00	2,00	Nắp giảm khẩu kính 11/5mm giúp giảm cỡ từ 11mm xuống 5mm sử dụng cho Trocar cỡ 11mm của hãng Karl Storz có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	5.850.000,00	46.800.000,00	11.700.000
679	G12.22	Móc dùi chữ L	Cái	5,00	1,00	Móc dùi đơn cực chữ L, cỡ 5mm, dài 36cm, có thể tiết trùng bằng hơi nước	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.960.000,00	49.800.000,00	9.960.000
680	G12.98	Kim kẹp kim hàm thẳng	Cái	2,00	-	Kim kẹp kim RASSWEILER, hàm thẳng, tay cầm thẳng trục có lỗ xỏ ngón và khóa hãm, dùng với chỉ cỡ 2/0 đến 4/0, kim cỡ SH và RB của Ethicon). Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm, sử dụng với trocar cỡ 6mm và 11mm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ở bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	49.205.000,00	98.410.000,00	-
681	G12.34	Optic nội soi ổ bụng 0 độ	Cái	2,00	-	Ông kính soi HOPKINS, dùng cho nội soi ổ bụng, hướng nhìn 0 độ, góc tiết trường nhìn: 74 độ, đường kính 10mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể hấp tiết trùng, thấu kính hình gậy, đầu có bọc saphia chống xước, sử dụng với trocar cỡ 11mm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	141.350.000,00	282.700.000,00	-
682	G12.33	Optic nội soi ổ bụng 30 độ	Cái	2,00	-	Ông kính soi HOPKINS, dùng cho nội soi ổ bụng, hướng nhìn 30 độ, góc tiết trường nhìn: 74 độ, đường kính 10mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể hấp tiết trùng, thấu kính hình gậy, đầu có bọc saphia chống xước, sử dụng với trocar cỡ 11mm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	143.700.000,00	287.400.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
683	G12.99	Ông hút tươi có van	Cái	6,00	1,00	Ông hút hút, bề mặt chống lóa, có lỗ bên hông, van khóa điều khiển bằng một tay, cỡ 5 mm, dài 36 cm, khử rung bằng hơi nước, sử dụng với trocar cỡ 6mm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	20.300.000,00	121.800.000,00	20.300.000
684	G12.100	Kim kẹp clip Titan	Cái	2,00	-	Kim kẹp clip, dùng cho Clip cầm máu Titan Weck cỡ trung bình lớn, cỡ 10 mm, chiều dài 36 cm, có thể xoay, gồm 03 phần tháo rời được: tay cầm, vỏ ngoài, hàm. Sử dụng với trocar cỡ 11mm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	60.210.000,00	120.420.000,00	
685	GR.103	Kim kẹp Hemolok	Cái	2,00	-	Kim kẹp clip nhựa polymer, cỡ XL, đường kính 10mm, chiều dài làm việc 33cm	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	22.600.000,00	45.200.000,00	
686	G12.101	Tay cầm Clickline	Cái	35,00	10,00	Tay cầm Clickline, bằng nhựa, không khóa, có chân cầm dẹt diện tích 1cm, dùng với panh, kéo của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	11.710.000,00	409.850.000,00	117.100.000
687	G12.20	Vỏ ngoài Panh, kéo, cỡ 5mm, dài 36cm	Cái	35,00	10,00	Vỏ ngoài panh, kéo nội soi, cỡ 5mm, dài 36cm, chất liệu kim loại, được phủ lớp cách điện, có công làm sạch, dùng với panh, kéo của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	11.090.000,00	388.150.000,00	110.900.000
688	G13.150	Lưỡi kéo cong nội soi	Cái	5,00	1,00	Lưỡi kéo cong, lưỡi có răng cưa, hai hàm hoạt động, hàm dài 20mm, với việc sử dụng và xử lý dụng cụ và chuyển nghiệp, độ an toàn điện là 400 ohm ký, sử dụng cùng tay cầm và vỏ ngoài panh kéo cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.400.000,00	82.000.000,00	16.400.000
689	G13.152	Hàm forceps răng chuột nội soi	Cái	5,00	1,00	Hàm forceps răng chuột nội soi, không tổn thương, hàm có răng nhỏ, hàm dài 16mm, hàm có lỗ, hàm hoạt động đơn, sử dụng cùng tay cầm và vỏ ngoài panh kéo cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.050.000,00	80.250.000,00	16.050.000
690	G13.153	Hàm Graper răng không tổn thương	Cái	5,00	1,00	Hàm Forceps kẹp tổ chức không tổn thương (Graper), hàm dài 24mm, hàm hoạt động đôi, hàm mở cửa sổ, sử dụng cùng tay cầm và vỏ ngoài panh kéo cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.050.000,00	80.250.000,00	16.050.000
691	G13.156	Hàm Kerly phẫu tích đơn cực	Cái	5,00	1,00	Hàm forceps phẫu tích, hàm dài 22mm, hai hàm hoạt động, sử dụng cùng tay cầm và vỏ ngoài panh kéo cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.050.000,00	80.250.000,00	16.050.000

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
692	GI13.154	Hàn Kerly lưỡng cực	Cái	5,00	1,00	Hàn panh phẫu tích cầm màu lưỡng cực, hàn dài 19mm, hai hàm hoạt động, sử dụng cùng tay cầm lưỡng cực và vỏ ngoài panh kéo lưỡng cực cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ở bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	33.400.000,00	167.000.000,00	33.400.000
693	GI13.160	Tay cầm Kerlly lưỡng cực	Cái	3,00	-	Tay cầm panh lưỡng cực không khóa, bằng nhựa, công kết nối dao điện nghiêng 45 độ, dùng với vỏ cỡ 3,5mm và 5mm, sử dụng cùng hàm panh phẫu tích lưỡng cực và vỏ ngoài panh kéo lưỡng cực cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ở bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	26.950.000,00	80.850.000,00	-
694	GI13.159	Vỏ ngoài Kerlly lưỡng cực	Cái	3,00	-	Vỏ ngoài panh lưỡng cực, chất tiêu kim loại học lập cách điện, có công hàm sạch, cỡ 5mm, dài 36cm, sử dụng cùng hàm panh phẫu tích lưỡng cực và tay cầm panh lưỡng cực của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ở bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	10.050.000,00	30.150.000,00	-
695	GI13.157	Hàn panh kẹp nhàn xơ tử cung- hàm dài 17mm, răng 2x1, hai hàm hoạt động	Cái	3,00	-	Hàn panh kẹp nhàn xơ tử cung, hàm dài 17mm, răng 2x1, hai hàm hoạt động, sử dụng cùng tay cầm và vỏ ngoài panh kéo cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ở bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	22.600.000,00	67.800.000,00	-
696	GI13.158	Hàn Babcock	Cái	3,00	-	Hàn forceps babcock, hàm không chấn thương, hai hàm hoạt động, hàm dài 18mm, hàm có lỗ, sử dụng cùng tay cầm và vỏ ngoài panh kéo cỡ 5mm, dài 36cm của hãng Karl Storz thuộc bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ở bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.050.000,00	48.150.000,00	-
697	GI12.29	Ông soi niệu quản bề thân, cỡ 7 Fr thuận dẫn về đầu ống cỡ 6,5 Fr, hướng nhìn 60, dài 43 cm, có 1 kênh trung tâm cỡ 4,8 Fr cho phép đưa dụng cụ cỡ 4Fr. Kênh bên để tưới rửa	Cái	2,00	-	Ông soi niệu quản bề thân, cỡ 7 Fr thuận dẫn về đầu ống cỡ 6,5 Fr, hướng nhìn 60, dài 43 cm, có 1 kênh trung tâm cỡ 4,8 Fr cho phép đưa dụng cụ cỡ 4Fr. Kênh bên để tưới rửa. Có thể hấp diệt trùng, có thể sử dụng với Panh gấp sỏi của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi tán sỏi ngược dòng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	373.600.000,00	747.200.000,00	-
698	GI12.2	Panh gấp sỏi thận qua da, mềm, hàm hoạt động kép, cỡ 5Fr, dài 40cm	Cái	3,00	-	Panh gấp sỏi thận qua da, mềm, hàm hoạt động kép, cỡ 5Fr, dài 40cm, sử dụng cùng ông soi tán sỏi thận qua da mini cỡ M của hãng Karl Storz thuộc bộ tán sỏi thận qua da có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	28.900.000,00	86.700.000,00	-
699	GI12.5	Ông soi niệu quản bề thân, cỡ 8 Fr thuận dẫn về đầu ống cỡ 7Fr, hướng nhìn 6 độ, dài 43 cm, có 1 kênh trung tâm cỡ 5Fr cho phép đưa dụng cụ cỡ 4Fr để tán và lấy sỏi, có thể hấp diệt trùng, có thể sử dụng với Panh gấp sỏi của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi tán sỏi ngược dòng có sẵn tại bệnh viện	Cái	1,00	-	Ông soi niệu quản bề thân, cỡ 8 Fr thuận dẫn về đầu ống cỡ 7Fr, hướng nhìn 6 độ, dài 43 cm, có 1 kênh trung tâm cỡ 5Fr cho phép đưa dụng cụ cỡ 4Fr để tán và lấy sỏi, có thể hấp diệt trùng, có thể sử dụng với Panh gấp sỏi của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi tán sỏi ngược dòng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	373.600.000,00	373.600.000,00	-

STT	Mã mời thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
700	G12.28	Bộ tay cắt u bằng quang, tiền liệt tuyến cực, ở vị trí nghi, đầu điện cực, đầu điện cực ở ngoài vỏ	Bộ	1,00	-	Bộ tay cắt u bằng quang, tiền liệt tuyến cực, ở vị trí nghi, đầu điện cực, đầu điện cực ở ngoài vỏ đặt ống soi cắt tiết niệu cỡ 24/26Fr, sử dụng điện cực lưỡng cực 2 chân, sử dụng cùng Vỏ đặt ống soi tiết niệu và ống soi tiết niệu của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	123.700.000,00	123.700.000,00	-
701	G12.30	Ống kính nội soi tán sỏi thận qua da cỡ M, kích thước thân ống 12Fr, kính làm việc 6,7Fr cho phép sử dụng dụng cụ có kích thước tới 5 Fr, hướng nhìn 12 độ, chiều dài 22cm. Có thể hấp tiết trùng, sử dụng cùng panh gấp sỏi thận qua da của hãng Karl Storz thuộc bộ tán sỏi thận qua da có sẵn tại bệnh viện	Cái	1,00	-	Ống kính nội soi tán sỏi thận qua da cỡ M, kích thước thân ống 12Fr, kính làm việc 6,7Fr cho phép sử dụng dụng cụ có kích thước tới 5 Fr, hướng nhìn 12 độ, chiều dài 22cm. Có thể hấp tiết trùng, sử dụng cùng panh gấp sỏi thận qua da của hãng Karl Storz thuộc bộ tán sỏi thận qua da có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	180.200.000,00	180.200.000,00	-
702	G12.26	Lưỡi dao cắt u xơ tiền liệt tuyến lưỡng cực, cỡ 0,4mm, dùng với vỏ ngoài cỡ 24/26Fr	Cái	30,00	9,00	Lưỡi dao cắt u xơ tiền liệt tuyến lưỡng cực, cỡ 0,4mm, lưỡi cắt loại hai chân, dùng với tay cắt lưỡng cực của hãng Karl Storz thuộc bộ cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	6.900.000,00	207.000.000,00	62.100.000
703	G12.109	Điện cực bay hơi lưỡng cực	Cái	20,00	6,00	Điện cực bay hơi lưỡng cực, đầu hình cầu, cỡ 24/26Fr, loại 2 chân, dùng với Tay cắt lưỡng cực của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.130.000,00	142.600.000,00	42.780.000
704	G12.32	Ống kính soi bằng quang hướng nhìn 30 độ, đường kính 4 mm	Cái	2,00	-	Ống kính soi HOPKINS hướng nhìn 30 độ, đường kính 4 mm, dài 30 cm, có thể hấp tiết trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước, góc nhìn rộng, sử dụng với Vỏ đặt ống soi cắt u và Tay cầm cắt u xơ tiền liệt tuyến đơn cực, lưỡng cực của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	138.250.000,00	276.500.000,00	-
705	G12.223	Nóng trong của vỏ đặt ống soi cắt tiết niệu	Cái	1,00	-	Nóng trong của vỏ đặt ống soi cắt tiết niệu, xoay được, đầu có bọc ceramic, dùng với Vỏ đặt ống soi cắt tiết niệu 26Fr của hãng Karl Storz (Đức) thuộc bộ nội soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	36.700.000,00	36.700.000,00	-
706	G13.168	Bộ dao cắt lạnh xẻ chít niệu đạo, mở rộng song song, dài 16cm	Bộ	3,00	-	Bộ dao cắt lạnh xẻ chít niệu đạo, mở rộng song song, dài 16cm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	97.950.000,00	293.850.000,00	-
707	G12.104	Xilanh hút mảnh cắt	Cái	2,00	-	Xi lanh hút mảnh cắt REINER-ALEXANDER, dung tích 150 ml, sử dụng cùng Vỏ đặt ống soi cắt tiết niệu của hãng Karl Storz (Đức) thuộc bộ nội soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	18.710.000,00	37.420.000,00	-
708	GR.110	Kẹp răng chuột 4x5T, 15cm	Cái	14,00	4,00	- Kích thước khoảng 15cm, đầu kẹp có 4x5 răng - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	195.000,00	2.730.000,00	780.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
709	GR.111	Panh cong không mẫu 12cm	Cái	15,00	4,00	- Kích thước khoảng 12cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	178.000,00	2.670.000,00	712.000
710	GI3.121	Kẹp phẫu tích có mẫu 16cm	Cái	16,00	4,00	- Kích thước khoảng 16cm, thẳng, đầu kẹp nhỏ, có mẫu. - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2cm. - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C. - Sai số kích thước: ± 3%.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	98.000,00	1.568.000,00	392.000
711	GI2.200	Kẹp phẫu tích không mẫu 16cm	Cái	16,00	4,00	- Kích thước khoảng 16cm, thẳng, đầu kẹp nhỏ, không mẫu. - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2cm. - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C. - Sai số kích thước: ± 3%.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	107.000,00	1.712.000,00	428.000
712	GI2.201	Kéo phẫu thuật, loại cong, đầu tù-nhọn, dài 16,5cm	Cái	12,00	3,00	- Kích thước 16,5cm, loại cong, 1 đầu tù, 1 đầu nhọn. - Chiều dài làm việc lưỡi kéo 5,1cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C. - Sai số kích thước: ± 2%. - Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	227.000,00	2.724.000,00	681.000
713	GR.7	Kéo thẳng cắt chỉ	Cái	2,00	-	- Kích thước khoảng 16,5cm, thẳng, đầu tù-nhọn, - Chiều dài làm việc lưỡi kéo khoảng 5,1cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	165.000,00	330.000,00	-
714	GI2.156	Cần dao số 3	Cái	14,00	4,00	- Kích thước khoảng 12,5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Lắp được các lưỡi dao 10,11,12,14,15 - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	81.000,00	1.134.000,00	324.000
715	GR.112	Kim kẹp kim KT 16cm	Cái	14,00	4,00	- Kích thước khoảng 16cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	218.000,00	3.052.000,00	872.000
716	GR.8	Pince loa sợi mũi cần có ốc hãm	Cái	1,00	-	Chiều dài lưỡi 40mm, dài 13,5cm, dùng với bộ phẫu thuật mũi xoang của hãng Karl Storz có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	11.050.000,00	11.050.000,00	-
717	GR.9	Kéo Vannus thẳng cho bộ mổ mỏng	Cái	2,00	-	Kéo Vannus loại thẳng, đầu nhọn, lưỡi 6mm, thân dẹt, chiều dài 84mm, làm bằng thép không gỉ	77 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	10.056.750,00	20.113.500,00	-
718	GR.10	Kim kẹp kim Vannus đầu cong cho bộ mổ mỏng	Cái	2,00	-	Kim kẹp kim đầu trong, bề mặt kẹp 8mm, không có khóa, chiều dài 135mm, làm bằng titan	77 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	12.141.700,00	24.283.400,00	-
719	GR.11	Panh kết mạc cho bộ mổ mỏng	Cái	2,00	-	Panh kết mạc, thân dẹt, chiều dài 108mm, làm bằng titan	77 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	4.860.000,00	9.720.000,00	-
720	GR.12	Panh rút chỉ cho bộ mổ mỏng	Cái	2,00	-	Panh rút chỉ loại thẳng, mặt kẹp 7mm, chiều dài 110mm, làm bằng thép không gỉ	77 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	7.668.200,00	15.336.400,00	-
721	GR.13	Kéo thẳng cho bộ mổ mỏng	Cái	2,00	-	Kéo mỏng loại loại thẳng, đầu nhọn, lưỡi 28mm, chiều dài 115mm, làm bằng thép không gỉ	77 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	4.359.650,00	8.719.300,00	-

STT	Mã mời thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
722	GR.14	Móc lác cho bộ mỏ móng	Cái	1,00	-	Móc lác, đầu móc cỡ 1,5 x 10mm, chiều dài 140mm, thân dẹt làm bằng titan	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	2.778.400,00	2.778.400,00	-
723	GR.15	Vành mi cho bộ mỏ móng	Cái	1,00	-	Vành mi cỡ dành cho người lớn, lưỡi 14mm, nhẵn tròn, chiều dài 71mm, làm bằng titan	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	7.544.000,00	7.544.000,00	-
724	GR.16	Panh gác mạc cho bộ mỏ móng	Cái	1,00	-	Panh gác mạc loại 0.12mm, răng 1x2, thân dẹt, chiều dài 84mm, làm bằng titan	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	6.790.000,00	6.790.000,00	-
725	GR.17	Que nong lệ dao cho bộ thống lệ dao	Cái	3,00	-	Que nong điểm lệ hai đầu, chiều dài 100mm, làm bằng titan	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	2.413.850,00	7.241.550,00	-
726	GR.18	Que thống lệ dao các cỡ cho bộ thống lệ dao	Cái	4,00	1,00	Que thống lệ dao cỡ 00-0, chiều dài 133mm, làm bằng thép không gỉ	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	2.461.000,00	9.844.000,00	2.461.000
727	GR.19	Kẹp bờ mi cho bộ nắn đánh bờ mi	Cái	7,00	2,00	Kẹp nắn bờ mi tạo hình cong, chiều dài 112mm, làm bằng titan	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	4.850.000,00	33.950.000,00	9.700.000
728	GR.20	Kẹp chấp cho Bộ chích chấp	Cái	3,00	-	Kẹp chấp cỡ vừa, đường kính 12mm, chiều dài 97mm, làm bằng titan	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	4.509.150,00	13.527.450,00	-
729	GR.21	Curet chích chấp cho Bộ chích chấp	Cái	3,00	-	Curette cỡ 2 (2mm), chiều dài 135mm, thân tròn làm bằng titan	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	3.554.650,00	10.663.950,00	-
730	GR.22	Cán dao cho Bộ chích chấp	Cái	1,00	-	Cán dao loại dẹt, chiều dài 125mm, làm bằng thép không gỉ	37 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	2.860.050,00	2.860.050,00	-
731	GR.23	Đèn Clar	Cái	1,00	-	1. Yêu cầu cấu hình: Bộ đèn chính: 01 Cái Nguồn Pin: 01 Cái Nguồn sạc: 01 Cái Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ 2. Yêu cầu kỹ thuật Cường độ sáng : 30.000 lux Tuổi thọ đèn LED lên đến 50.000 giờ Nhiệt độ màu : 6.000 kelvin Trong lượng: 190g Nguồn Pin : 3,7 V Dung lượng Pin : 2200 mAh Loại Pin : Lithium-ion Hoạt động liên tục 4 giờ Nguồn sạc : - Đầu vào : 100 ~ 240V 50/60Hz - Đầu ra : DC 4,2 V / 750mA Thời gian sạc 4 giờ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	4.300.000,00	4.300.000,00	-
732	GR.24	Kéo phẫu thuật (Metzenbaum)	Cái	1,00	-	- Kích thước khoảng 18cm, đầu cong, chiều dài làm việc đầu kéo khoảng 4,5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.758.000,00	1.758.000,00	-
733	GR.113	Pha ra bóp	Cái	16,00	4,00	- Kích thước khoảng 12cm, có 2 kích cỡ: fig.1=30x13mm, fig.2=34x13mm - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	147.000,00	2.352.000,00	588.000
734	GR.108	Panh 3 châu	Cái	4,00	1,00	- Kích thước khoảng 14cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	865.000,00	3.460.000,00	865.000
735	GR.26	Panh cong 14cm	Cái	2,00	-	- Kích thước khoảng 14cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 3cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	188.000,00	376.000,00	-

STT	Mã mặt thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
736	GI3.120	Panh cong 16cm không mẫu	Cái	19,00	5,00	- Kích thước khoảng 16cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 4,8cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	194.000,00	3.686.000,00	970.000
737	GR.107	Panh kẹp xăng	Cái	8,00	2,00	- Kích thước khoảng 11cm, đầu kẹp hơi tù - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	165.000,00	1.320.000,00	330.000
738	GI2.196	Panh thẳng có mẫu KT 16 cm	Cái	23,00	6,00	- Kích thước khoảng 16cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 4cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	188.000,00	4.324.000,00	1.128.000
739	GR.106	Panh thẳng không mẫu KT 12 cm	Cái	2,00	-	- Kích thước khoảng 12cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	171.000,00	342.000,00	-
740	GI2.197	Panh tiêm không mẫu 20cm	Cái	11,00	3,00	- Kích thước dài 20cm, đầu nhỏ, thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 4,3cm - Thép không gỉ - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	282.000,00	3.102.000,00	846.000
741	GR.28	Kéo thẳng kích thước 10 cm	Cái	1,00	-	- Kích thước khoảng 11,5cm, đầu thẳng, chiều dài làm việc đầu kéo khoảng 2,5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	127.000,00	127.000,00	-
742	GR.109	Cần dao số 4	Cái	1,00	-	- Kích thước khoảng 14cm - Chất liệu: thép không gỉ - Lắp được các lưỡi dao 20,21,22 - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	81.000,00	81.000,00	-
743	GR.29	Trocac	Cái	3,00	-	- Kích thước: phi 20FG - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	582.000,00	1.746.000,00	-

STT	Mã mời thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
744	GR.31	Đèn chiếu sáng da	Cái	5,00	1,00	1. Yêu cầu cấu hình: - Đèn chính + màn hình hiển thị: 01 bộ - Thân đèn: 01 bộ - Dây nguồn: 01 bộ - Nối + xe dây: 01 bộ - Cầu chì: 01 bộ - Cầu chì: 01 bộ 2. Yêu cầu kỹ thuật: - Điều chỉnh độ cao dễ dàng - Chiều 2 mặt cho hiệu suất cao hơn - Bóng LED chuyển dụng tuổi thọ cao - Màn hình hiển thị thời gian sử dụng trực quan - Xe đẩy đa năng kèm nổi tích hợp - Bánh xe có khóa giúp cố định và di chuyển dễ dàng - Kích thước tổng thể (D*R*C): 77*50*171 cm (±2 cm) - Kích thước màn hình (D*R*C): 38*27*8 cm (±2 cm) - Kích thước nổi (D*R*C): 70*49*18 cm (±2 cm) - Độ cao điều chỉnh: 112-171 cm (±2 cm) - Khoảng cách 2 đầu chiếu điều chỉnh: 55-114 cm (±2 cm) - Bóng đèn: LED (xanh) công suất cao - Số bóng mỗi mặt trên/dưới: 18 cái - Tuổi thọ bóng đèn: Tối thiểu 25.000 giờ - Thay đổi độ sáng ít hơn 10% sau 25.000 giờ chiếu sáng - Thay đổi về cường độ sau 6 giờ < 10% - Dải bước sóng: 420-480nm - Diện tích bề mặt điều trị: 53*37 cm (±2 cm) - Cường độ bức xạ: > 42 mW/cm2/nm ở 30cm - Màn hình hiển thị LCD: thời gian điều trị và tổng thời gian đã sử dụng đèn - Trọng lượng: khoảng 20kg - Điện áp đầu vào: 220V-50Hz - Công suất tiêu thụ: 120-160W - Cầu chì: 5 Amp	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	38.000.000,00	190.000.000,00	38.000.000
745	GR.32	Máy đo huyết áp	Cái	7,00	1,00	1. Cấu hình thiết bị: - Máy chính cầm tay: 01 chiếc - Cảm biến đo SpO2 dùng cho trẻ sơ sinh: 01 chiếc - Bộ Pin sạc: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ 2. Đặc tính kỹ thuật: - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA - Thiết bị theo dõi bão hòa oxy trong máu chính xác cả khi bệnh nhân cử động và chỉ số tụt màu - Khối lượng nhẹ, cầm tay tiện lợi - Chỉ số tụt màu (PI) hiển thị cường độ xung động mạch - Có thanh tín hiệu để xác định các mức tín hiệu và chất lượng giá trị SpO2 được hiển thị - Có báo động âm thanh và hình ảnh - Thông số kỹ thuật: - Dải đo: - SpO2: từ ≤ 1% đến 100% - Nhịp tim: từ ≤ 25 đến ≥ 240 (nhịp/phút) - Chỉ số tụt màu: từ ≤ 0,02 đến ≥ 20% - PV: 0-100 (cho phép hiển thị khi sử dụng cảm biến tích hợp) - RRp: 4-70 rpm (cho phép hiển thị khi sử dụng cảm biến tích hợp) - Sai số SpO2 (trung đại từ 70% đến 100%): - Khi không cử động: Người lớn, trẻ em: ≤ 2%, Trẻ sơ sinh: ≤ 3% - Khi cử động: Người lớn, trẻ em: ≤ 3%, Trẻ sơ sinh: ≤ 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	33.500.000,00	67.000.000,00	33.500.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
746	GI3.125.1	Xe tiêm nhựa ABS	Cái	17,00	5,00	+ Khí chỉ số tuổi màu thấp: Người lớn, trẻ em: $\leq 2\%$, Trẻ sơ sinh: $\leq 3\%$. - Sai số nhíp mạch (trung đại từ 25 đến 240 nhíp/phút): + Khí không có dòng: ≤ 3 nhíp/phút. + Khí có dòng: ≤ 5 nhíp/phút. - Khí chỉ số tuổi màu thấp: ≤ 3 nhíp/phút. - Độ phân giải: + Độ bão hoà (%SpO2): $\leq 1\%$. + Nhíp mạch: ≤ 1 nhíp/phút. - Pin sạc: Lithium ion, dung lượng: 24 giờ. - Bước sóng đo 600–1000 nm - Trọng lượng: $\leq 0,5$kg. - Chế độ cảnh báo: Tối thiểu có các báo động: Tình trạng sensor, lỗi nguồn, báo động ác quỵ yếu. - Báo động Ưu tiên cao: ≥ 10 xung. - Báo động Ưu tiên thấp: ≥ 3 xung. - Hiện thị: + Hiện thị tối thiểu các dữ liệu: % SpO2, nhíp mạch, chỉ số tuổi màu, cảnh báo và cảnh báo trạng thái pin thấp, thanh tín hiệu, trạng thái pin sử dụng. + Loại: LED hoặc tương đương. Lưu trữ dữ liệu: 96 giờ Có 3 mức độ nhạy: Trung bình, cao, Phát hiện thao đầu do tự động Chính được độ sáng màn hình từ 5 mức: 25%, 50%, 75%, 100% - Kích thước (DàixRộngxcao)mm: (625x475x1.000)mm $\pm 5\%$. - Thân xe: kết cấu bằng cốt thép, lamin bằng thép phủ sơn tĩnh điện, độ dày khung xe: 3mm, các mặt của xe (bao gồm cả mặt phẳng bên) được lamin bằng nhựa ABS chống nhiễm khuẩn, chống mài mòn, chống ăn mòn và oxy hóa. - Xe có 01 ngăn kéo nhỏ được thiết kế với hệ thống trượt nhẹ nhàng, bên trong chứa thành các ô chứa có kích thước (3x3)mm $\pm 1\%$ và 02 khay kê bên dưới. - Bánh xe: 04 cái, loại hành dọc đường kính bánh xe từ Ø 95 - 100mm, trong đó có tối thiểu 02 bánh có khóa. - Cỏ lan can và cỏ tay đẩy - Màu sắc chủ đạo: Xanh dương, xám, trắng. - Công suất tải trong của ngăn kéo: ≥ 25kg - Tổng công suất tải trong: ≥ 80kg - Phụ kiện đi kèm: + 02 thùng rác có nắp đậy dài từ 2 bên, mỗi bên có 01 thùng, 1 bên 01 thùng nắp trắng, 1 bên 01 thùng nắp vàng, có chân gạt để mở nắp đậy rác thải y tế, lamin bằng nhựa cứng, dung tích ≥ 5 lít + 01 giỏ lưới bằng nhựa để đựng găng tay y tế trắng hoặc để hộp đựng kim tiêm đã qua sử dụng. + 02 hộp nhựa đựng để đựng kim tiêm đã qua sử dụng. + 01 giỏ nhựa có vách chia ngăn đựng vật sắc nhọn. - Thời gian bảo hành: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nhiệm vụ và đưa vào sử dụng.	Viet Nam	Thiết bị y tế	15.800.000,00	268.600.000,00	79.000.000

STT	Mã mời thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
747	G13.125	Xe thủ thuật nhựa ABS	Cái	17,00	5,00	- Kích thước (Dài x rộng x cao) mm: (625 x 475 x 1.000) mm ± 5% - Thân xe: kết cấu bằng cốt thép, làm bằng thép phủ sơn tĩnh điện, độ dày khung xe: 3mm, các mặt của xe (bao gồm cả mặt phẳng bên) được làm bằng nhựa ABS chống nhiễm khuẩn, chống mài mòn, chống ăn mòn và oxy hóa. - Xe có 01 ngăn kéo nhỏ được thiết kế với hệ thống trượt nhẹ nhàng, bên trong chia thành các ô chứa và 01 hoặc 02 khay kệ bên dưới. - Bánh xe: 04 cái, loại bánh đúc đường kính bánh xe từ Ø 95 - 100mm, trong đó có tối thiểu 02 bánh có khóa. - Có lan can và có tay đẩy - Màu sắc chủ đạo: Xanh dương, xám, trắng. - Công suất tải trọng của ngăn kéo: ≥ 25kg - Tổng công suất tải trọng: ≥ 80kg - Phụ kiện đi kèm: + 02 thùng rác có nắp đậy đặt ở 2 bên, mỗi bên có 01 thùng, 1 bên 01 thùng nắp trắng, 1 bên 01 thùng nắp vàng, có chân gạt để mở nắp đựng rác thải y tế, làm bằng nhựa cứng, dung tích ≥ 5 lít + 02 xô nhựa nhỏ màu xanh có quai và nắp đậy chất lỏng y tế, làm bằng nhựa cứng, dung tích ≥ 2 lít + 02 giỏ lưới bằng nhựa để đựng găng tay y tế trắng hoặc để hộp đựng kim tiêm đã qua sử dụng. + 02 hộp nhựa dùng để đựng kim tiêm đã qua sử dụng. + 01 giỏ nhựa có vách chia ngăn đựng vật sắc nhọn. + 01 cốc truyền dịch 4 móc - Thời gian bảo hành: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nhiệm vụ thu và đưa vào sử dụng.	Việt Nam	Thiết bị y tế	17.500.000,00	297.500.000,00	87.500.000
748	GR.32	Kéo vi phẫu thành quản Kleinsasser loại thẳng	Cái	1,00	-	Kéo vi phẫu thành quản Kleinsasser loại thẳng, chiều dài làm việc 255 mm.	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	25.587.000,00	25.587.000,00	-
749	GR.33	Kéo vi phẫu thành quản (cong phải)	Cái	1,00	-	Kẹp vi phẫu thành quản hình tim, hàm răng cưa cong phải, chiều dài khoảng 220 mm	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	32.795.000,00	32.795.000,00	-
750	GR.34	Kéo vi phẫu thành quản (cong trái)	Cái	1,00	-	Kẹp vi phẫu thành quản hình tim, hàm răng cưa cong trái, chiều dài khoảng 220 mm	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	32.795.000,00	32.795.000,00	-
751	GR.35	Pincee tam giác (quay phải)	Cái	1,00	-	Kéo vi phẫu thành quản Kleinsasser cong phải, chiều dài làm việc 255 mm	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	25.587.000,00	25.587.000,00	-
752	GR.36	Pincee tam giác (quay trái)	Cái	1,00	-	Kéo vi phẫu thành quản Kleinsasser cong trái, chiều dài làm việc 255 mm	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	25.587.000,00	25.587.000,00	-
753	G13.187	Kim bấm vi phẫu thành quản, hàm cong phải, kiểu miệng chên cỡ 1mm, chiều dài làm việc 23cm	Cái	1,00	-	cong phải, kiểu miệng chên cỡ 1mm, chiều dài làm việc 23cm, vỏ thuận hình nón dần từ thân về phía đầu, có công làm sạch, sử dụng với bộ nội soi thành quản của hãng Karl Storz có sẵn ở bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	33.800.000,00	33.800.000,00	-
754	G13.188	Kim bấm vi phẫu thành quản, hàm cong trái, kiểu miệng chên cỡ 1mm, chiều dài làm việc 23cm	Cái	1,00	-	cong trái, kiểu miệng chên cỡ 1mm, chiều dài làm việc 23cm, vỏ thuận hình nón dần từ thân về phía đầu, có công làm sạch, sử dụng với bộ nội soi thành quản của hãng Karl Storz có sẵn ở bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	33.800.000,00	33.800.000,00	-
755	GR.37	Ông hút vi phẫu tai, cỡ 0,7mm	Cái	1,00	-	Ông hút vi phẫu tai thân gấp góc, cỡ 0,7mm, chiều dài làm việc 6cm, dùng với bộ phẫu thuật nội soi tai của hãng Karl Storz đang có tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.180.000,00	2.180.000,00	-
756	GR.38	Ông hút vi phẫu tai, cỡ 0,8mm	Cái	1,00	-	Ông hút vi phẫu tai thân gấp góc, cỡ 0,8mm, chiều dài làm việc 6cm, dùng với bộ phẫu thuật nội soi tai của hãng Karl Storz đang có tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.180.000,00	2.180.000,00	-

STT	Mã mới thân	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
757	GR.39	Ông hút vi phẫu tai, cỡ 1mm	Cái	1,00	-	Ông hút vi phẫu tai thân gấp góc, cỡ 1mm, chiều dài làm việc 6cm, dùng với bộ phẫu thuật nội soi tai của hãng Karl Storz đang có tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.180.000,00	2.180.000,00	-
758	GR.40	Forcep cầm máu lưỡng cực	Cái	1,00	-	cách điện, mũi tù, gấp góc, tích hợp kênh hút, dài 19cm, dùng với bộ phẫu thuật nội soi mũi xoang của hãng Karl Storz đang có tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	26.950.000,00	26.950.000,00	-
759	GR.41	Pince vi phẫu tai	Cái	1,00	-	hàm mảnh, có răng cưa, kích thước 1 x 4,5mm, chiều dài làm việc 8cm, có thể tháo rời, dùng với bộ phẫu thuật nội soi tai của hãng Karl Storz đang có tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	15.850.000,00	15.850.000,00	-
760	G12.35	Ông soi quang học TMAH (0 độ, đường kính 4mm, dài 18cm)	Cái	1,00	-	Ông soi quang học Tai Mũi Họng 0 độ, góc của trường nhìn: 80 độ, đường kính 4 mm, dài 18 cm, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy giúp tăng trường nhìn, đầu ống soi có học saphia chống xước, có thể hấp tiệt trùng được, có thể hấp tiệt trùng được, dùng với bộ phẫu thuật mũi xoang của hãng Karl Storz đang có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	97.650.000,00	97.650.000,00	-
761	G12.37	Ông soi quang học (70 độ, đường kính 4mm, dài 18cm)	Cái	1,00	-	Ông soi quang học Tai Mũi Họng 70 độ, đường kính 4 mm, dài 18 cm, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy giúp tăng trường nhìn, đầu ống soi có học saphia chống xước, có thể hấp tiệt trùng được, góc nhìn rộng, dùng với bộ phẫu thuật mũi xoang của hãng Karl Storz đang có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	97.650.000,00	97.650.000,00	-
762	GR.42	Vỏ ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục, cỡ 3,7 mm, chiều dài 18 cm, có đầu nối cho hút dịch	Cái	2,00	-	Vỏ ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục, cỡ 3,7 mm, chiều dài 18 cm, có đầu nối cho hút dịch, dùng với ống soi khám buồng tử cung cỡ 2,9mm, dài 24cm của hãng Karl Storz, thuộc bộ nội soi khám buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.650.000,00	75.300.000,00	-
763	GR.43	Ông soi quang học TMAH (0 độ, đường kính 3mm, dài 14cm, góc lệch trường nhìn 68 độ)	Cái	1,00	-	Ông soi quang học Tai Mũi Họng 0 độ, đường kính 3mm, dài 14cm, góc lệch trường nhìn 68 độ, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy giúp tăng trường nhìn, đầu ống soi có học saphia chống xước, có thể hấp tiệt trùng được, dùng với bộ phẫu thuật mũi xoang của hãng Karl Storz đang có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	100.200.000,00	100.200.000,00	-
764	GR.51	Kéo cong từ 16cm	Cái	3,00	-	- Kích thước kéo khoảng 16,5cm, đầu tù, lưỡi cong - Lưỡi kéo dài khoảng 5,7cm - Chất liệu thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	162.000,00	486.000,00	-
765	G12.188	Kéo thẳng, mũi nhọn-nhọn	Cái	2,00	-	- Kích thước kéo khoảng 16,5cm, đầu nhọn, lưỡi thẳng - Lưỡi kéo dài khoảng 5,7cm - Chất liệu thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	165.000,00	330.000,00	-

STT	Mã mời thầu	Tên hàng hóa	BVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
766	G1.455	Cán dao mổ, số 3, dài 125mm sử dụng cho bộ mở khi quần	Cải	2,00	-	Cán dao mổ, số 3, dài 125mm, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	500,00	1.000,00	-
767	G1.457	Cán dao mổ, số 7, dài 160mm	Cải	2,00	-	Cán dao mổ, số 7, dài 160mm, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.000.000,00	2.000.000,00	-
768	GR.52	Kim cắt cắt cơ 24cm	Cải	2,00	-	- Kích thước khoảng 24cm, thẳng, có khóa, tay cầm trơn trượt. - Đầu kim nhọn, dài khoảng 5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.302.000,00	4.604.000,00	-
769	GR.53	Kim cắt cắt cơ 37cm	Cải	2,00	-	- Kích thước khoảng 37cm, hai cán tay cầm tròn. - Đầu kim nhọn, dài khoảng 6,5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.874.000,00	5.748.000,00	-
770	GR.54	Kéo cắt bột	Cải	2,00	-	- Kích thước khoảng 24cm - Chiều dài làm việc lưới kẹp khoảng 7,5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	578.000,00	1.156.000,00	-
771	GR.55	Cửa máy cắt bột	Cải	1,00	-	Nguồn điện : 110-220V ~ một pha; Tần số: 50-60 HZ; Công suất đầu vào: 100 VA; Tốc độ quay không tải của động cơ : > 15000rpm; Tiếng ồn: <90dB Phụ kiện kèm theo : - 4 lưới cửa - 1 cỡ lẻ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	13.900.000,00	13.900.000,00	-
772	GR.56	Cửa tay cắt bột	Cải	1,00	-	- Kích thước khoảng 18cm, chiều dài lưới cửa khoảng 9-11cm, độ dày 0,3-0,5mm, - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	380.000,00	380.000,00	-
773	G13.119	Rổ lưới	Cải	31,00	9,00	- Rổ lưới hấp dụng cụ, kích thước (520x260x80)mm - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥134 độ C. - Sai số kích thước: ± 2%.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.696.000,00	52.576.000,00	15.264.000
774	GR.58	Hộp đựng tổng tiềm	Cải	13,00	3,00	Hộp đựng bóng tiêm' - Kích thước phi 8cm - Inox 201	Viet Nam	Thiết bị y tế	60.000,00	780.000,00	180.000
775	GR.59	Kim kẹp kim 18cm	Cải	2,00	-	- Kích thước khoảng 18cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	235.000,00	470.000,00	-
776	GR.60	Kim kẹp kim 24cm	Cải	1,00	-	- Kích thước khoảng 24cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	282.000,00	282.000,00	-
777	G1.545	Mô vít cơ trung bình	Cải	335,00	85,00	- Kích thước 90x35mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	259.000,00	86.765.000,00	22.015.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
778	GI 592	Mô vít cơ tiêu	Cái	213,00	63,00	- Kích thước 75x20mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3% - Kích thước 100x35mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	241.000,00	51.333.000,00	15.183.000
779	GI3.18	Mô vít Collin 100*35mm	Cái	51,00	15,00	- Kích thước khoảng 25cm, thẳng - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2,5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	77 hoặc Châu Á	Thiết bị y tế	1.030.000,00	52.530.000,00	15.450.000
780	GR 62	Phanh sát khuôn đầu rân 25cm	Cái	111,00	-	- Kích thước khoảng 20cm, thẳng, đầu kẹp nhỏ. - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2cm. - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	336.000,00	37.296.000,00	-
781	GR 63	Kẹp phẫu tích không mẫu 20cm	Cái	6,00	1,00	- Kích thước khoảng 25cm, thẳng, đầu kẹp nhỏ. - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2cm. - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	127.000,00	762.000,00	127.000
782	GR 64	Kẹp phẫu tích không mẫu 25cm	Cái	6,00	1,00	- Kích thước khoảng 25cm, thẳng, đầu kẹp nhỏ. - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2cm. - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	165.000,00	990.000,00	165.000
783	GI2.203	Kẹp cổ tử cung cỡ 25cm	Cái	20,00	6,00	- Kích thước kẹp dài 25cm, loại thẳng, 2 đầu nhỏ có mẫu, không gãy - Chiều dài làm việc đầu kẹp 7,4cm, khoảng cách 2 cạnh làm việc của đầu kẹp 1cm. - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥134 độ C. - Sai số kích thước: ± 2% - Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	295.000,00	5.900.000,00	1.770.000
784	GI3.9	Ông soi khám tử cung 30 độ, 2,9mm	Cái	15,00	4,00	- Ông kính nội soi HD, đường kính 2,9mm, góc soi 30 độ, dài 300mm, hấp diệt trùng được. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật buồng tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung (<=6mm) cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	172.300.000,00	2.584.500.000,00	689.200.000
785	GI3.106	Ông soi khám tử cung 30 độ, 4mm	Cái	10,00	3,00	- Ông kính nội soi HD, đường kính 4mm, góc soi 30 độ, dài 300mm, hấp diệt trùng được. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung (<=9mm) cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	172.300.000,00	1.723.000.000,00	516.900.000
786	GR 65	Vỏ chân đoàn	Cái	3,00	-	- Vỏ chân đoàn có chia độ, đường kính 4mm, dài 270mm (không có thẻ xoay)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	36.232.000,00	108.756.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
787	GR.66	Vỏ trong phẫu thuật	Cái	1,00		- Vỏ trong phẫu thuật có chia độ, đường kính 4.9mm, dài 230mm (ống hoạt động cho dụng cụ cắt 7Fr, khóa vôi có thể xoay) - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cung - Tương thích với Bộ dụng cụ nội soi chẩn đoán và can thiệp buồng tử cung có kênh dụng cụ 7Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	62.500.000,00	62.500.000,00	
788	GR.67	Vỏ ngoài phẫu thuật	Cái	1,00		- Vỏ ngoài phẫu thuật có chia độ, đường kính 5.5mm, dài 216mm (khóa vôi hút có thể xoay, khóa nhanh) - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cung - Tương thích với Bộ dụng cụ nội soi chẩn đoán và can thiệp buồng tử cung có kênh dụng cụ 7Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	51.300.000,00	51.300.000,00	
789	G13.10	Kéo có chia độ, kích thước 7Fr	Cái	5,00	1,00	- Kéo nhọn có chia độ, kích thước 7Fr, dài 370mm. Bán cứng, hàm hành động đơn, đầu kéo có thể xoay, có công để xả rửa. Kèm nắp đẩy Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cung - Tương thích với Bộ dụng cụ nội soi chẩn đoán và can thiệp buồng tử cung có kênh dụng cụ 7Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	30.700.000,00	153.500.000,00	30.700.000
790	GR.68	Kẹp sinh thiết	Cái	5,00	1,00	- Kẹp sinh thiết có chia độ, kích thước 7Fr, dài 370mm, bán cứng, hàm hành động kép, Đầu có thể xoay, có công để xả rửa. Kèm nắp đẩy Silicon. - Tương thích với Bộ dụng cụ nội soi chẩn đoán từ cung cỡ 7Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	30.700.000,00	153.500.000,00	30.700.000
791	G13.110	Kẹp cá sấu có chia độ, cỡ 7Fr	Cái	5,00	1,00	- Kẹp cá sấu có chia độ, kích thước 7Fr, dài 370mm, bán cứng, hàm hành động kép, Đầu có thể xoay, có công để xả rửa. Kèm nắp đẩy Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cung - Tương thích với Bộ dụng cụ nội soi chẩn đoán và can thiệp buồng tử cung có kênh dụng cụ 7Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	25.000.000,00	125.000.000,00	25.000.000
792	GR.69	Kẹp gấp IUD	Cái	3,00		- Kẹp gấp IUD có chia độ, kích thước 7Fr, dài 370mm, bán cứng, hàm hành động kép, Đầu có thể xoay, có công để xả rửa. Kèm nắp đẩy Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cung - Tương thích với Bộ dụng cụ nội soi chẩn đoán và can thiệp buồng tử cung có kênh dụng cụ 7Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	25.000.000,00	75.000.000,00	

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vòng lãnh thủ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
793	GR 70	Vỏ trong phẫu thuật, đường kính 17,5Fr	Cái	1,00	-	- Vỏ trong phẫu thuật, đường kính 17,5Fr, có thể xoay, đầu gắn ceramic loại bỏ phản xạ ánh sáng giúp hình ảnh rõ nét. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cùng. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	55.000.000,00	55.000.000,00	-
794	GR 71	Vỏ ngoài phẫu thuật, đường kính 18,5Fr	Cái	1,00	-	- Vỏ ngoài phẫu thuật, đường kính 18,5Fr, tích hợp khóa nhanh, đóng keypad dẫn nước vào và đầu thoát nước ra) - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cùng. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	48.000.000,00	48.000.000,00	-
795	GI3.130	Tay cầm điều khiển phẫu thuật nội soi, cỡ 18,5Fr	Cái	1,00	-	- Tay cầm điều khiển phẫu thuật nội soi cỡ 18,5Fr, sử dụng đơn cực và lưỡng cực, có khóa kết nối nhanh, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cùng. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	135.000.000,00	135.000.000,00	-
796	GR 72	Điện cực vòng, góc 30 độ 18,5Fr	Cái	20,00	6,00	- Điện cực cái vòng, góc 30 độ, cho bộ 18,5Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cùng. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	10.450.000,00	209.000.000,00	62.700.000
797	GR 73	Điện cực vòng, thẳng, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được, cỡ 18,5Fr	Cái	10,00	3,00	- Điện cực cái vòng, thẳng, cho bộ 18,5Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cùng. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	10.450.000,00	104.500.000,00	31.350.000
798	GI3.14	Điện cực cầm mũi đang bì lần, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được, cỡ 18,5Fr	Cái	5,00	1,00	- Điện cực cầm mũi đang bì lần, cho bộ 18,5Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cùng. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	10.450.000,00	52.250.000,00	10.450.000
799	GR 74	Điện cực đang dao, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được, cỡ 18,5Fr	Cái	15,00	4,00	- Điện cực đang dao, cho bộ 18,5Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật từ cùng. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	10.450.000,00	156.750.000,00	41.800.000

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
800	GR.75	Đầu bít ống, tích hợp khóa tháo lắp nhanh, tránh tổn thương khi đưa vào phẫu thuật vào buồng tử cung, hấp tiệt trùng được, cỡ 18,5Fr	Cái	1,00	-	Đầu bít ống, tích hợp khóa tháo lắp nhanh, tránh tổn thương khi đưa vào phẫu thuật vào buồng tử cung, hấp tiệt trùng được, cỡ 18,5Fr - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 18,5Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.500.000,00	12.500.000,00	-
801	GR.76	Vỏ ngoài phẫu thuật, đường kính 26Fr, tích hợp khóa nhanh, đóng kép(dẫn nước vào và đầu thoát nước ra), hấp tiệt trùng được	Cái	1,00	-	- Vỏ ngoài phẫu thuật, đường kính 26Fr, tích hợp khóa nhanh, đóng kép(dẫn nước vào và đầu thoát nước ra), hấp tiệt trùng được. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	48.000.000,00	48.000.000,00	-
802	G13.131	Tay cầm điều khiển phẫu thuật nội soi, cỡ 26Fr	Cái	1,00	-	- Tay cầm điều khiển phẫu thuật nội soi cỡ 26Fr, sử dụng lưỡng cực, có khóa kết nối nhanh, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	135.000.000,00	135.000.000,00	-
803	G13.108	Điện cực vòng góc 30 độ, cỡ 26Fr	Cái	10,00	3,00	- Điện cực vòng góc 30 độ, cỡ 26Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.200.000,00	92.000.000,00	27.600.000
804	G13.109	Điện cực vòng thẳng, cỡ 26Fr	Cái	5,00	1,00	- Điện cực vòng thẳng, cỡ 26Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.200.000,00	46.000.000,00	9.200.000
805	G13.14.1	Điện cực cầm máu dạng bi lăn, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được, cỡ 26Fr	Cái	5,00	1,00	- Điện cực cầm máu dạng bi lăn, cỡ 26Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.200.000,00	46.000.000,00	9.200.000
806	G13.107	Điện cực cầm máu dạng dao, cỡ 26Fr	Cái	10,00	3,00	- Điện cực cầm máu dạng dao, cỡ 26Fr, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. Kèm nắp dây Silicon. - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.200.000,00	92.000.000,00	27.600.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	BVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
807	GR.77	Đầu bút ống, tích hợp khóa tháo lắp nhanh, cỡ 26Fr	Cải	1,00	-	Đầu bút ống, tích hợp khóa tháo lắp nhanh, tránh tổn thương khi đưa vào phẫu thuật vào buồng tử cung, hấp vết trũng được, cỡ 26Fr - Sử dụng trong điều trị phẫu thuật tử cung. - Tương thích với Bộ dụng cụ phẫu thuật lưỡng cực buồng tử cung cỡ 26Fr tại Bệnh viện Bưu điện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.500.000,00	12.500.000,00	-
808	G12.112	Ống kính soi buồng tử cung hướng nhìn 30 độ, đường kính 4 mm	Cải	5,00	1,00	Ốptic nội soi buồng tử cung, góc nhìn 30 độ, đường kính 4mm, dài 30cm, có thể hấp vết trũng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy bằng giúp tăng trường nhìn, đầu ống có học sapphire chống xước, góc nhìn rộng, dùng với Vỡ ống soi cắt cỡ 26Fr và tay cắt buồng tử cung của hãng Karl Storz (Đức) thuộc bộ phẫu thuật nội soi buồng tử cung đang có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	137.800.000,00	689.000.000,00	137.800.000
809	G12.228	Forceps sinh thiết và gấp	Cải	3,00	-	Forceps sinh thiết và gấp, hàn cứng, hàn hoạt động đơn, cỡ 5 Fr., chiều dài 34 cm, dùng với Vỡ ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục khám buồng tử cung của hãng Karl Storz(Đức) thuộc bộ khám nội soi buồng tử cung đang có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	48.950.000,00	146.850.000,00	-
810	G12.229	Kéo đầu tù	Cải	3,00	-	Kéo đầu tù, hàn cứng, hàn hoạt động đơn, cỡ 5 Fr., chiều dài 34 cm, dùng với Vỡ ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục khám buồng tử cung của hãng Karl Storz(Đức) thuộc bộ khám nội soi buồng tử cung đang có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	44.100.000,00	132.300.000,00	-
811	G12.230	Kéo đầu nhọn	Cải	3,00	-	Kéo đầu nhọn, hàn cứng, hàn hoạt động đơn, cỡ 5 Fr., chiều dài 34 cm, dùng với Vỡ ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục khám buồng tử cung của hãng Karl Storz(Đức) thuộc bộ khám nội soi buồng tử cung đang có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	43.200.000,00	129.600.000,00	-
812	G12.235	Điện cực cắt lưỡng cực hình vòng cỡ 26 Fr.	Cải	1,00	-	Điện cực cắt lưỡng cực hình vòng, cỡ 26Fr, loại hai chân, tiết trũng bằng hơi nước, sử dụng với tay cắt lưỡng cực của hãng Karl storz thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.150.000,00	7.150.000,00	-
813	G12.236	Điện cực cầm máu lưỡng cực hình cầu cỡ 24 Fr.	Cải	1,00	-	Điện cực cầm máu lưỡng cực hình cầu, cỡ 24Fr, loại hai chân, tiết trũng bằng hơi nước, sử dụng với tay cắt lưỡng cực của hãng Karl storz thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.150.000,00	7.150.000,00	-
814	G12.237	Điện cực cắt lưỡng cực hình mũi nhọn cỡ 26 Fr.	Cải	1,00	-	Điện cực cầm máu lưỡng cực hình cầu, cỡ 26Fr, loại hai chân, tiết trũng bằng hơi nước, sử dụng với tay cắt lưỡng cực của hãng Karl storz thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.150.000,00	7.150.000,00	-

STT	Mã mới đầu	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
815	G12.239	Ống kính soi buồng tử cung hướng nhìn 30 độ, đường kính 2,9 mm	Cái	3,00	-	Optic nội soi buồng tử cung, cấu u sơ tiên liệt tuyến 30 độ, góc của trường nhìn: 81 độ, đường kính 2,9 mm, dài 30 cm, có thể hấp liệt trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước, dùng với Vô dật ống soi cắt cỡ 22Fr của hãng Karl Storz (Đức) thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	127.400.000,00	382.200.000,00	-
816	G12.242	Nòng trong của Vô dật ống soi cắt tiết niệu cỡ 22Fr	Cái	1,00	-	Nòng trong của Vô dật ống soi cắt tiết niệu cỡ 22Fr, đầu vỏ cách điện bằng chất liệu ceramic, liệt trùng bằng hơi nước, dùng với Vô dật ống soi cắt cỡ 22Fr của hãng Karl Storz (Đức) thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	36.700.000,00	36.700.000,00	-
817	G12.244	Điện cực cắt lưỡng cực cỡ 22 Fr.	Cái	1,00	-	Điện cực cắt lưỡng cực cỡ 22 Fr, loại hai chân, dùng với Tay cắt lưỡng cực của hãng Karl Storz(Đức) thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.650.000,00	7.650.000,00	-
818	G12.245	Điện cực cầm máu lưỡng cực hình cầu cỡ 21 Fr.	Cái	1,00	-	Điện cực cầm máu lưỡng cực hình cầu cỡ 21 Fr, dùng với Tay cắt lưỡng cực của hãng Karl Storz(Đức) thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.650.000,00	7.650.000,00	-
819	G12.246	Điện cực cắt hình lưỡng cực mũi nhọn cỡ 22 Fr.	Cái	1,00	-	Điện cực cắt hình lưỡng cực mũi nhọn cỡ 22 Fr, loại hai chân, dùng với Vô dật ống soi cắt cỡ 22Fr và Tay cắt lưỡng cực của hãng Karl Storz(Đức) thuộc bộ Phẫu thuật nội soi buồng tử cung đã trang bị tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.650.000,00	7.650.000,00	-
820	GR.78	Kìm kẹp kim cán văng 15cm	Cái	10,00	3,00	Kích thước khoảng 15cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 1.5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	1.506.000,00	15.060.000,00	4.518.000
821	G12.10	Forceps lưỡng cực cho thăm mỹ, đầu thẳng	Cái	6,00	1,00	Forceps lưỡng cực, đầu thẳng, thân dạng lưới lè, đầu mạ vàng chống dính, cỡ 2mm, chiều dài làm việc 125mm, chiều dài tổng 230mm, chân cầm tròn, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng với bộ nạo của hãng Aesculaps có sẵn tại bệnh viện.	57 hoặc Châu á	Thiết bị y tế	28.250.000,00	169.500.000,00	28.250.000
822	G12.11	Dây cáp lưỡng cực dùng cho Forceps lưỡng cực thăm mỹ	Cái	10,00	3,00	Dây cáp cao tần lưỡng cực, dùng với Forceps lưỡng cực chân tròn và đốt, đầu, khoảng cách chân cầm 28.6mm, dài 4mm, sử dụng với bộ nạo của hãng Aesculaps có sẵn tại bệnh viện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	10.650.000,00	106.500.000,00	31.950.000
823	G13.191	Que phẫu tích đơn cực chữ L có hút, cỡ 5mm, dài 36cm	Cái	1,00	-	Que phẫu tích đơn cực chữ L có hút, cỡ 5mm, dài 36cm, sử dụng cùng trocar cỡ 6mm của hãng Karl Storz thuộc bộ phẫu thuật nội soi ổ bụng có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.980.000,00	9.980.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
824	G12.113	Forceps lưỡng cực 1mm	Cái	1,00	-	Forceps lưỡng cực thẳng, đầu cùn cỡ 1mm bằng bạc, dài 16cm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24.500.000,00	24.500.000,00	-
825	G12.423	Sợi cáp cao tần lưỡng cực đầu vuông, dài 300cm, điện áp định tối đa 1,5 kVp	Cái	2,00	-	Sợi cáp cao tần lưỡng cực đầu vuông, dài 300cm, điện áp định tối đa 1,5 kVp, tương thích với Dao mổ điện Karl Storz có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.160.000,00	24.320.000,00	-
826	G12.205	Tay cầm nối sợi polip buồng tử cung đơn cực	Cái	4,00	1,00	Tay cầm polip buồng tử cung đơn cực, sử dụng lưỡi cắt 1 chân loại cắt bằng lò xo, di chuyển ngón cái, ở vị trí nghỉ, đầu điện cực ở bên trong Vòi đất ống soi cắt. Dùng với ống soi buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nối sợi buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	99.900.000,00	399.600.000,00	99.900.000
827	G12.234	Vòi đất ống soi cắt buồng tử cung, cỡ 26Fr	Cái	4,00	1,00	Vòi đất ống soi cắt, cỡ 26 Fr, đầu vát, vòi trong có thể xoay được, đầu vát cách điện bằng chất liệu ceramic, cơ chế mở khóa nhanh, có đường dẫn dịch vào và ra dễ tưới rửa liên tục, tiết trùng bằng hơi nước, dùng với ống soi buồng tử cung cỡ 4mm, dài 30cm của hãng Karl Storz thuộc bộ nối sợi buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	52.150.000,00	208.600.000,00	52.150.000
828	G13.174	Nòng trong vòi đất ống soi cắt buồng tử cung, đầu học ceramic, tiết trùng bằng hơi nước, cỡ 26Fr	Cái	2,00	-	Nòng trong vòi đất ống soi cắt buồng tử cung, đầu học ceramic, tiết trùng bằng hơi nước, an toàn về điện trong vòng 400 chu kỳ khi tái chế đúng cách của hãng, dùng với Vòi đất ống soi cắt cỡ 26Fr của hãng Karl Storz, thuộc bộ nối sợi buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	41.700.000,00	83.400.000,00	-
829	G12.105	Bộ vòi đất ống soi buồng tử cung	Cái	6,00	1,00	Bộ vòi đất đường kính 5,1 mm, 1 khóa, chiều dài làm việc 290cm, sử dụng cùng ống soi buồng tử cung cỡ 4mm, hướng nhìn 30 độ, dài 30cm của hãng Karl Storz (Đức) thuộc bộ nối sợi buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.150.000,00	96.900.000,00	16.150.000
830	G12.226	Ống kính nối sợi khám buồng tử cung, hướng nhìn 30 độ	Cái	2,00	-	Ống kính nối sợi khám buồng tử cung, hướng nhìn 30 độ, cỡ 2,9 mm, chiều dài 24 cm., thân ống soi có đầu nối tưới dịch, dùng với Vòi ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục khám buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nối sợi khám buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	136.100.000,00	272.200.000,00	-
831	GK.79	Điện cực phẫu tích lưỡng cực, bán cứng, cỡ 5Fr, dài 42cm	Cái	2,00	-	Điện cực phẫu tích lưỡng cực, bán cứng, cỡ 5Fr, chiều dài làm việc 42cm, dùng với Vòi ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục khám buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nối sợi khám buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	20.350.000,00	40.700.000,00	-
832	G12.227	Vòi ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục khám buồng tử cung, cỡ 4,4 mm	Cái	2,00	-	Vòi ống soi cấp dòng tưới rửa liên tục khám buồng tử cung, cỡ 4,4 mm, chiều dài 16 cm, kính cho dùng cut bán cứng cỡ 5Fr, với 1 van khóa và 1 khóa LIER, dùng với ống soi khám buồng tử cung cỡ 2,9mm, dài 24cm của hãng Karl Storz thuộc bộ nối sợi khám buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	45.200.000,00	90.400.000,00	-

STT	Mã mời thầu	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
833	G13.175	Forceps sinh thiết, bản cứng, hàm hoạt động đôi, cỡ 5 Fr, chiều dài 34 cm	Cái	2,00	-	Forceps sinh thiết, bản cứng, hàm hoạt động đôi, cỡ 5 Fr, chiều dài 34 cm, dùng với Vô ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn khoam buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi khoam buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	44.100.000,00	88.200.000,00	-
834	GR.80	Điện cực bóc hơi lưỡng cực, điện cực kim nghiêng góc 90 độ, bản cứng, cỡ 5Fr, chiều dài 42cm, dùng với Vô ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn khoam buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi khoam buồng tử cung có sẵn tại viện	Cái	2,00	-	Điện cực bóc hơi lưỡng cực, điện cực kim nghiêng góc 90 độ, bản cứng, cỡ 5Fr, chiều dài 42cm, dùng với Vô ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn khoam buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi khoam buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	19.500.000,00	39.000.000,00	-
835	GR.81	Điện cực lưỡng cực hình tròn, bản cứng, cỡ 5Fr, dài 42cm	Cái	2,00	-	Điện cực lưỡng cực hình tròn, bản cứng, cỡ 5Fr, chiều dài 42cm, dùng với Vô ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn khoam buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi khoam buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	27.310.000,00	54.620.000,00	-
836	GR.82	Vô đặt ống soi khoam buồng tử cung, cỡ 4,1mm	Cái	4,00	1,00	Vô đặt ống soi khoam buồng tử cung, cỡ 4,1mm, chiều dài làm việc 291mm, có khóa Luer, dùng với ống soi buồng tử cung 30 độ cỡ 2,9mm của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	22.000.000,00	88.000.000,00	22.000.000
837	G12.231	Cầu nối ống soi, dùng với Vô đặt ống soi cắt cỡ 26Fr	Cái	2,00	-	Cầu nối ống soi, có kênh cho dụng cụ bán cứng cỡ 5Fr, tiết trùng bằng hơi nước, dùng với Vô đặt ống soi cắt cỡ 26Fr và Ống soi buồng tử cung của hãng Karl Storz thuộc bộ nội soi buồng tử cung có sẵn tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16.400.000,00	32.800.000,00	-
838	GR.88	Tay cắt u bàng quang, tiền liệt tuyến đơn cực	Cái	1,00	-	Tay cắt u bàng quang, tiền liệt tuyến đơn cực, chiều dài làm việc 18.8cm, ngón cắt có thể di chuyển, dùng với điện cực loại 1 chân, ở trạng thái nghỉ điện cực ở ngoài vỏ, sử dụng với điện cực cỡ 24/26 Fr và 27/28Fr, có thể hấp tiết trùng, an toàn điện trong ống số 400 chu kỳ khi sử dụng và tải chế độ cách, dùng với Vô ống soi cắt cỡ 24-28Fr và Ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz thuộc Bộ phẫu thuật nội soi tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	97.200.000,00	97.200.000,00	-
839	GR.89	Vô đặt ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến	Cái	1,00	-	Vô đặt ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến, cỡ 26Fr, đầu ống vất, có đường dịch vào và ra để tưới rửa liên tục, nòng trong đầu bọc sứ cách điện có thể xoay, có thể sử dụng với Tay cắt u bàng quang tiền liệt tuyến đơn cực và lưỡng cực của hãng Karl Storz thuộc Bộ phẫu thuật nội soi tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	51.410.000,00	51.410.000,00	-
840	GR.90	Nòng bit tiêu chuẩn, sử dụng với Vô đặt ống soi cắt cỡ 24-28Fr	Cái	1,00	-	Nòng bit tiêu chuẩn, sử dụng với Vô đặt ống soi cắt cỡ 24-28Fr, dùng với Vô đặt ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến cỡ 26Fr thuộc Bộ phẫu thuật nội soi tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	8.500.000,00	8.500.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
841	GR 91	Nòng đất ống soi SCHMIEDT, sử dụng với Vó đất ống soi cắt cỡ 24/26Fr	Cái	1,00	-	Nòng đất ống soi SCHMIEDT, sử dụng với Vó đất ống soi cắt cỡ 24/26Fr, dùng với Vó đất ống soi cắt u xơ tiền liệt tuyến cỡ 26Fr. Và Ống soi cắt đầu u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz, thuộc Bộ phẫu thuật nội soi tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	32.100.000,00	32.100.000,00	-
842	GR 92	Điện cực cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến đơn cực hình vòng	Cái	20,00	6,00	Điện cực cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến đơn cực hình vòng, loại 1 chân, đầu gấp góc, đường kính lưỡi cắt 0,35mm, dài 28,3cm, cỡ 24/26Fr, sử dụng với Tay cắt u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz thuộc bộ phẫu thuật u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	3.600.000,00	72.000.000,00	21.600.000
843	GR 93	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu, cỡ 3mm	Cái	6,00	1,00	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu, cỡ 3mm, loại 1 chân, dài 28,8cm, cỡ 24/26Fr, sử dụng với Tay cắt u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz thuộc bộ phẫu thuật u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	3.600.000,00	21.600.000,00	3.600.000
844	GR 94	Điện cực cắt đốt đơn cực hình mũi nhọn xẻ chữ meo dao	Cái	6,00	1,00	Điện cực cắt đốt đơn cực hình mũi nhọn xẻ chữ meo dao, loại 1 chân, đường kính đầu 0,35mm, dài 28,8cm, cỡ 24/26Fr, sử dụng với Tay cắt u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz thuộc bộ phẫu thuật u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	3.600.000,00	21.600.000,00	3.600.000
845	GR 95	Điện cực cầm máu đơn cực hình bàn đạp xe, đường kính 5 mm	Cái	6,00	1,00	Điện cực cầm máu đơn cực hình bàn đạp xe, đường kính 5 mm, loại 1 chân, dài 28,8cm, cỡ 24/26Fr, sử dụng với Tay cắt u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz thuộc bộ phẫu thuật u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	3.600.000,00	21.600.000,00	3.600.000
846	GR 96	Sợi cấp cao tần đơn cực, dùng cho tay dao cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến đơn cực sử dụng lưỡi dao loại 1 chân	Cái	5,00	1,00	Sợi cấp cao tần đơn cực, dùng cho tay dao cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến đơn cực sử dụng lưỡi dao loại 1 chân, dài 3m, đầu cầm cỡ 4mm, sử dụng với dụng cụ đơn cực đường kính 8mm, diện áp dính tối đa 4,5 kVp, sử dụng với Tay cắt u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz thuộc bộ phẫu thuật u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.020.000,00	35.100.000,00	7.020.000
847	GR 97	Sợi cấp cao tần đơn cực, dùng cho tay dao cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến đơn cực sử dụng lưỡi dao loại 2 chân	Cái	10,00	3,00	Sợi cấp cao tần đơn cực, dùng cho tay dao cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến đơn cực sử dụng lưỡi dao loại 2 chân, dài 3m, đầu cầm cỡ 4mm, sử dụng với dụng cụ đơn cực đường kính 8mm, diện áp dính tối đa 4,5 kVp, sử dụng với Tay cắt u xơ tiền liệt tuyến của hãng Karl Storz thuộc bộ phẫu thuật u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại Bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.020.000,00	70.200.000,00	21.060.000
848	GR 98	Nòng miếng sào, cỡ 15-30Fr	Cái	1,00	-	Nòng miếng sào, hình nón, cỡ 15-30Fr	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.500.000,00	9.500.000,00	-
849	GR 100	Hộp tiết trùng và bảo quản ống soi	Cái	1,00	-	Hộp tiết trùng và bảo quản ống soi, chất liệu nhựa, dùng cho 02 ống soi cùng có chiều dài tối đa 32cm, kích thước (l x d x h): 446 x 90 x 45 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.600.000,00	12.600.000,00	-